

Bản án số: 199/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-10-2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Tấn Khoa.

Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 433/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2018/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1994. (có mặt)

Cư trú: Ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Cư trú: Ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2018, tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông T sống chung với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, hay cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 3/2018 đến nay, gia đình hai bên có dàn xếp nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Trọng K, sinh ngày 30/6/2014. Hiện nay cháu K đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bà Trần Thị Hồng N khởi kiện ông Nguyễn Thanh T, ông T cư trú ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên tạo điều kiện hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa bà N và ông T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà N và ông T ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay không còn liên lạc, bà N xin ly hôn, ông T cũng không có ý kiến phản đối. Tại phiên tòa, bà N xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Trọng K, sinh ngày 30/6/2014. Hiện cháu K đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu K đã sống ổn định với bà N. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, ông T cũng không có ý kiến phản đối. Để tạo điều kiện cho cháu Khang phát triển tốt về tinh thần và thể chất, ổn định về chỗ ở và các điều kiện về y tế, giáo dục sau này. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông Nguyễn Thanh T.

[5]. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N và ông T thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Hồng N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Hồng N.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Bà Trần Thị Hồng N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thanh Trọng K, sinh ngày 30/6/2014. Ông Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Hồng N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0019776 ngày 13/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới